

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiếp nhận thiết bị, vật liệu thuộc dự án Phát triển năng lực về công nghệ bảo trì thông minh cho các cây cầu cũ tại tỉnh Quảng Nam, Việt Nam (đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh phê duyệt văn kiện Dự án Phát triển năng lực về công nghệ bảo trì thông minh cho các cây cầu cũ tại tỉnh Quảng Nam, Việt Nam;

Xét Tờ trình số 1775/TTr-SGTVT ngày 01/6/2023 của Sở Giao thông vận tải và theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 86/TTr-SKHĐT ngày 07/6/2023 về phê duyệt tiếp nhận thiết bị, vật liệu thuộc dự án Phát triển năng lực về công nghệ bảo trì thông minh cho các cây cầu cũ tại tỉnh Quảng Nam, Việt Nam (đợt 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiếp nhận các thiết bị, vật liệu thuộc dự án Phát triển năng lực về công nghệ bảo trì thông minh cho các cây cầu cũ tại tỉnh Quảng Nam (đợt 2) do Chính phủ Hàn Quốc (thông qua Bộ đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc) tài trợ không hoàn lại.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện các hồ sơ, thủ tục và điều kiện cần thiết để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các thiết bị, vật liệu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Cục Hải quan tỉnh chịu trách nhiệm phối hợp, theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát Sở Giao thông vận tải trong quá trình thực hiện các hồ sơ, thủ tục và tiếp nhận, quản lý, sử dụng các thiết bị, vật liệu theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ, Tài chính, Giao thông vận tải; Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN_(Đ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục
Thiết bị, vật liệu tiếp nhận thuộc dự án Phát triển năng lực về công nghệ bảo trì
thông minh cho các cây cầu cũ tại tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
(Kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT /No.	Sản phẩm/ Product	Loại vật liệu/ Material	Mục đích sử dụng/ Purpose	Đơn vị tính/ Unit	Số lượng/ Amount	Đơn giá/ Unit price	Tổng số tiền/ Price
	Tổng cộng						265.000.000
1	Vật liệu để bảo vệ khỏi sự tấn công của clorua/ Material(agent) for Chloride Attack Protection	COSREM-Care	Phòng chống xâm hại của muối/Prevention of salt damage	kg	700	37.142,857	26.000.000
2	Vật liệu để bảo vệ khỏi sự tấn công của clorua/ Material(agent) for Chloride Attack Protection	COSREM-Bond	Phòng chống xâm hại của muối/Prevention of salt damage	kg	700	31.428,571	22.000.000
3	Vật liệu để bảo vệ khỏi sự tấn công của clorua/ Material(agent) for Chloride Attack Protection	COSREM-Coat	Phòng chống xâm hại của muối/Prevention of salt damage	kg	1.000	37.000	37.000.000
4	Vữa sửa chữa/Patching Repair Mortar	COSREM-Lite	Trám các vị trí bê tông bị bong tróc nhằm phục hồi bê tông/ Concrete Restoration	kg	26.000	2.500	65.000.000

STT /No.	Sản phẩm/ Product	Loại vật liệu/ Material	Mục đích sử dụng/ Purpose	Đơn vị tính/ Unit	Số lượng/ Amount	Đơn giá/ Unit price	Tổng số tiền/ Price
5	Tấm Panel chịu lực/Concrete Reinforced Panel	HI-ACG Panel	Gia cố kết cấu bê tông/Concrete Reinforcement	m	420	93.333,333	39.200.000
6	Keo dán bê tông Epoxy Bond/Concrete Reinforced Panel - Epoxy Bond	CP-2 (R)	Dán bê tông/Panel Adhes	kg	170	40.000	6.800.000
7	Keo dán bê tông Epoxy Bond/Concrete Reinforced Panel - Epoxy Bond	CP-2 (H)	Dán bê tông/Panel Adhes	kg	85	40.000	3.400.000
8	Sơn bê tông/Concrete Reinforced Panel - Primer	PA-003 (R)	Sơn lót bê tông/Panel Primer	kg	10	40.000	400.000
9	Sơn bê tông/Concrete Reinforced Panel - Primer	PA-003 (H)	Sơn lót bê tông/Panel Primer	kg	5	40.000	200.000
10	Vật liệu sửa vết nứt (Phương pháp TPS)/Crack Injection & Material (TPS Method)	T-Port	Sửa chữa vết nứt/Crack Repair	EA	3.200	11.250	36.000.000
11	Vật liệu sửa vết nứt (Phương pháp TPS)/Crack Injection & Material (TPS Method)	KPG-40 Dry Sealing Material	Sửa chữa vết nứt/Crack Repair	kg	110	18.181,818	2.000.000

STT /No.	Sản phẩm/ Product	Loại vật liệu/ Material	Mục đích sử dụng/ Purpose	Đơn vị tính/ Unit	Số lượng/ Amount	Đơn giá/ Unit price	Tổng số tiền/ Price
12	Vật liệu sửa vết nứt (Phương pháp TPS)/Crack Injection & Material (TPS Method)	KPG-40 Dry Sealing Material (Curing Agent)	Sửa chữa vết nứt/Crack Repair	kg	110	18.181,818	2.000.000
13	Vật liệu sửa vết nứt (Phương pháp TPS)/Crack Injection & Material (TPS Method)	KPG-102 (subject)	Sửa chữa vết nứt/Crack Repair	kg	144	22.916,667	3.300.000
14	Vật liệu sửa vết nứt (Phương pháp TPS)/Crack Injection & Material (TPS Method)	KPG-102 (hardener)	Sửa chữa vết nứt/Crack Repair	kg	72	23.611,111	1.700.000
15	Máy bơm vữa/ Repair equipment	PFT SWING L	Bơm vữa vào các vết nứt hoặc bong tróc/Mortar pump	EA	1	20.000.000	20.000.000

- Tổng số danh mục thiết bị tiếp nhận: 15 danh mục.

- Tổng số tiền: **265.000.000 won**, tương đương 4.770.000.000 đồng (*Bốn tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu đồng*).

(*Tỷ giá ngoại tệ quy đổi 1 Won = 18 VNĐ theo Thông báo số 2462//TBKBNN ngày 28/4/2023 của Kho bạc Nhà nước về Tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 5 năm 2023*)